

CÔNG TÁC DỰ BÁO KTTV QUA 6 NĂM PHỤC VỤ SẢN XUẤT MỎ APATIT LÀO CAI (HOÀNG LIỀN SƠN)

KS. TRẦN VĂN SẮP
Đài KTTV Hoàng Liên Sơn

I - YÊU CẦU CỦA SẢN XUẤT

1. Mỏ apatit Lao Cai nằm ở hữu ngạn sông Thao. Sau khi khai thác quặng apatit chuyên đi tiêu thụ bằng tàu hỏa trên tuyến đường sắt Lao Cai – Hà Nội, Từ tháng II – 1979, cầu Pom Hán bị phá sập, quặng apatit phải chuyển tải qua sông bằng ô tô : mùa cạn đi bằng cầu phao, mùa lũ đi bằng phà. Đây là một khâu công tác hết sức quan trọng góp phần quyết định việc hoàn thành kế hoạch hàng năm của mỏ.

Cầu phao Làng Giàng (thuộc mỏ apatit Lao Cai) cũng như một số cầu phao khác bắc qua sêng Thao, thường được lắp đặt từ 15 – XI trở đi và tháo gỡ trước 15 – V tháng năm. Sáu tháng mùa lũ, phương tiện vượt sông là phà. Vì vậy, năng suất chuyển tải giảm sút hẳn, chỉ còn bằng khoảng 1/3 so với vận chuyển bằng cầu phao, chưa kể số nhiên liệu đáng kể cần thiết cho ca-nô dắt phà qua sông.

Tình hình trên đây buộc những người làm công tác quản lý sản xuất phải tìm mọi cách kéo dài thời gian hoạt động của cầu phao, rút ngắn thời gian hoạt động của phà để nâng cao năng lực vận tải – vẫn đề chỉ có thể giải quyết được nếu năm chắc được diễn biến nước sông và các hiện tượng thời tiết đặc biệt khác tại khu vực. Trên cơ sở đó, một hợp đồng kinh tế đã được ký kết giữa mỏ apatit và Đài KTTV Hoàng Liên Sơn từ cuối năm 1984 đến hết 6 tháng đầu 1989 (từ quý 3 – 1989 đường sắt mới vào mỏ bắt đầu hoạt động).

2. Yêu cầu của mỏ apatit đối với công tác dự báo KTTV

a) Dự báo thời tiết 12 giờ đến 24 giờ (đặc biệt chú ý hiện tượng mưa lớn gây lũ cục bộ, ách tắc giao thông nội bộ và vận chuyển phương tiện, máy móc trong khai trường).

b) Dự báo KTTV 5, 10 ngày, nhận định xu thế thời tiết hàng tháng để tham khảo trong việc lập kế hoạch và chỉ đạo sản xuất.

c) Dự báo diễn biến mực nước tại Xuân Tăng (cách cầu phao Làng Giàng 1 km về hạ lưu) bao gồm các thời hạn 6 giờ, 12 giờ và 24 giờ để phía mỏ hoàn toàn chủ động trong việc tháo dỡ, lắp hoặc giữ cầu phao.

Thời gian tối thiểu cho việc tháo dỡ cầu an toàn khi có lũ là 4 giờ.

Mực nước nguy hiểm đến độ an toàn của cầu là 72,20m,

II – NHỮNG VẤN ĐỀ KỸ THUẬT CẦN GIẢI QUYẾT VÀ VIỆC TỔ CHỨC PHỤC VỤ

1. Trạm khí tượng Lao Cai cũ đã bị đánh phá tháng II – 1979, vì vậy để có số liệu dự báo thời tiết các thời hạn theo yêu cầu của mỏ, nhất thiết phải thành lập một trạm khí tượng mới để dự báo và kiểm tra kết quả. Trạm này đã được thành lập và hoạt động liên tục từ cuối năm 1984 đến VI – 1989.

2. Trạm thủy văn Xuân Tăng và cầu phao Làng Giàng nằm ngay sát biên giới Việt Trung nên không có số liệu thượng nguồn. Một số trạm khí tượng (Sa Pa) và đo mưa (Bát Xát, Mường Khương) trên lưu vực sông Thao (phần trên lãnh thổ nước ta) lại quá gần tuyến dự báo. Mặt khác, thông tin luôn luôn bị trực tiếp nên số liệu của những trạm này cũng chỉ để tham khảo và kiểm tra chất lượng dự báo. Do vậy, sau nhiều lần trao đổi, bàn bạc và được sự chỉ đạo trực tiếp của Cục Dự báo KTTV, phương án dự báo thủy văn được chọn là phương pháp dự báo theo xu thế tại trạm, sử dụng số liệu quan trắc dày, mới nhất, thậm chí tới 30 phút 1 lần trong thời gian lũ. Các bản tin dự báo hạn vừa và nhận định xu thế thời tiết hạn dài dựa trên cơ sở thống kê phân tích số liệu lịch sử trạm thủy văn Lao Cai (cũ) kết hợp với xu thế thời tiết và lượng mưa cụ thể trên lưu vực (bao gồm cả lượng mưa dự báo trong thời gian dự kiến).

3. Về tổ chức phục vụ đã tiến hành:

+ Thành lập 1 tổ dự báo đủ mạnh cả về chuyên môn và kinh nghiệm công tác quản lý. Trong 3 năm đầu bao gồm 2 kĩ sư của Cục Dự báo KTTV, 2 kĩ sư của Đài Hoàng Liên Sơn và 2 cán bộ kĩ thuật của trạm. Từ năm 1986, Cục Dự báo không tham gia trực tiếp. Đài KTTV HLS đã cử các cán bộ có trách nhiệm như phó giám đốc, các trưởng phó phòng phục vụ, kĩ thuật trực tiếp chỉ đạo công tác dự báo, phục vụ tại Xuân Tăng trong thời kỳ bắc và đỡ cầu phao. Tổ trưởng dự báo được quyền thay mặt giám đốc Đài quyết định về chất lượng và số lượng bản tin, giao dịch trực tiếp với giám đốc Mỏ và Xí nghiệp vận tải đường sắt là người trực tiếp sử dụng bản tin, đóng góp những ý kiến quan trọng trong việc quyết định giữ hay tháo dỡ cầu phao vào thời điểm nguy hiểm ($H_{max} > 72m$).

+ Đề hỗ trợ cho tổ chức dự báo, tại Cục Dự báo, Đài Hoàng Liên Sơn tổ chức dự báo độc lập và thông báo cho trạm Xuân Tăng qua hệ thống thông tin nội bộ để phòng thông tin trang bị. Kết quả tin cuối cùng chính thức cung cấp cho bên A do tổ dự báo quyết định và điều chỉnh, sau đó báo cáo về Đài và Cục Dự báo.

III – MỘT SỐ KẾT QUẢ

1. Kết quả phục vụ

– Bản tin dự báo KTTV các thời hạn được cung cấp cho bên A theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận về khối lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm giao nhận, liên tục từ tháng VI – 1984 đến tháng VI – 1989, chất lượng dự báo đều đạt và vượt chỉ tiêu của Tổng cục giao cho các đài địa phương.

Tuy nhiên, do đặc điểm và quy mô tổ chức khai thác của mỏ apatit, nên bản tin dự báo thời tiết chưa được sử dụng, không đem lại hiệu quả thiết thực. Ngược lại, bản tin dự báo thủy văn đã được khai thác triệt để nó không thể thiếu được trong chỉ huy chạy cầu và là văn bản pháp lý được đánh giá cao nhắc kĩ trong khi thanh lý hợp đồng hàng năm.

Do việc sử dụng có hiệu quả bản tin dự báo, thời gian kéo dài hoạt động của cầu phao đã đạt được như sau (bảng 1).

Bảng 1 – Thời gian kéo dài hoạt động của cầu phao Làng Giàng

Năm	Ngày bắc cầu	Thời gian kéo dài so với kế hoạch (ngày)	Ngày dỡ cầu	Hmax	Thời gian kéo dài (ngày)
1985	26/X	19	25/V	71,67	10
1986	21/XI	13	12/V	71,60	-3
1987	18/XI	-3	18/VI	72,28	33
1988	23/X	22	28/VI	72,96	13
1989	—	—	16/V	71,61	2

Như vậy, trừ những năm đặc biệt (lũ muộn tháng XI – 1987, lũ sớm tháng V – 1986), việc lắp, tháo dỡ cầu chậm lại so với kế hoạch, những năm khác thời gian kéo dài hoạt động của cầu phao từ 13 đến 33 ngày trong một vụ.

Theo thống kê, lưu lượng xe qua phà trong những ngày thuận lợi nhất cũng chỉ tối đa tới 80 chuyến/ ngày đêm, trong khi đó lưu lượng xe qua cầu phao là 240 chuyến (1984, 1986...), chưa kể chi phí xăng dầu, công lao động để tổ chức canh dắt phà qua sông, dễ thấy hiệu quả của việc kéo dài 1 ngày cầu phao là rất lớn.

Trong những chiến dịch vận chuyển quặng cao điểm, việc khai thác bản tin dự báo thủy văn còn triệt để hơn nhiều. Thiếu ngày 18 – IV – 1986, mực nước Xuân Tăng lên tới 71,16m song do bản tin dự báo thủy văn khẳng định nước sẽ xuống nên Mỏ đã quyết tâm gia cố giữ lại cầu phao, hoạt động đến 12 – V – 1986 mới phải dỡ. Tình hình cũng tương tự như vậy vào ngày 17 – X – 1988, khi mực nước cao nhất lên đến 73,00m, song cầu phao vẫn hoạt động đến 23 – X – 1988.

Trong 1 – 2 năm cuối, do có kinh nghiệm sử dụng bản tin và có sự kết hợp chặt chẽ giữa đoàn dự báo và xí nghiệp vận tải, cầu phao Làng Giàng còn giữ được ở những thời điểm căng thẳng hơn nhiều. Mực nước tháo dỡ cầu đầu mùa lũ năm 1987 là 72,28m, năm 1988 là 72,96m, cao hơn nhiều so với mực nước nguy hiểm (bảng 1).

Trong một số mùa khô do mực nước thay đổi thất thường, việc tháo dỡ cầu phao có trường hợp chỉ tiến hành trong 1 đêm khi nước lén và lắp đặt trở lại ngay sau khi có thông báo nước xuống và ổn định vài ngày. Thiếu đầu mùa lũ năm 1987, dỡ cầu vào ngày 4 – VI – 1987, sau đó bắc lại bắc vào ngày 8 – VI – 1987 và kéo dài đến 18 – VI – 1988.

Cũng tương tự như vậy, cầu phao đã tháo dỡ 18 – V – 1988, bắc lại 23 – V và kéo dài đến 28 – VI – 1988.

2. Kết quả hợp đồng kinh tế

Chỉ tính riêng trong 5 năm (1985 – 1989), giá trị các hợp đồng kinh tế ký giữa Đài HLS và Mỏ apatit (bao gồm tất cả các khoảng chi phí, kề cả xây dựng cơ sở và thuê thiết bị thông tin) đã lên tới gần 20 triệu.

Một cách thô thiển, nếu coi tổng số kinh phí bên A ký các hợp đồng phục vụ KTTV trong các năm qua đã được bù lại do việc tăng năng suất vận chuyển (không lỗ – đòi hỏi tối thiểu của bên ký hợp đồng) thì cũng có thể chấp nhận con số đó như hiệu quả của công tác phục vụ KTTV cho khai thác và vận chuyển quặng. Có lẽ con số đó còn lớn hơn nhiều nếu tính hiệu quả của 1 ngày vận chuyển bằng cầu phao so với bằng phà và các tiết kiệm chi phí do chủ động kế hoạch tháo, dỡ cầu bão đảm an toàn. Rất tiếc là chúng tôi chưa có điều kiện tính toán cụ thể thêm.

IV – MỘT VÀI KINH NGHIỆM QUA 6 NĂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Theo chúng tôi, phải quyết tâm thực hiện tất cả các yêu cầu về KTTV ở địa phương, có thể bằng sức mạnh tòng hợp của nhiều đơn vị trong ngành. Người sản xuất, dù có hay không có thông tin KTTV vẫn phải tổ chức sản xuất. Song thông tin KTTV thì chỉ có ngành KTTV mới có thể đưa ra chính xác ở những mức độ khác nhau. Do vậy, không nên vì lý do kĩ thuật hoặc trong khi chờ tranh luận xem có thể làm được dịch vụ dự báo KTTV hay không, mà từ chối phục vụ. Trên thực tế công tác phục vụ KTTV theo hợp đồng kinh tế không những chỉ là một nguồn thu, hỗ trợ về đời sống mà còn là một thử thách về khả năng tổ chức và quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và uy tín của ngành.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phải biết kết hợp rất chặt chẽ, hài hòa và tinh tế giữa người ra bản tin và người sử dụng bản tin. Cán bộ KTTV không những chỉ tinh thông chuyên môn KTTV mà phải nắm được ở mức độ cần thiết kĩ thuật, quy trình công nghệ đặc điểm chuyên môn của cơ quan sử dụng bản tin. Phải có trách nhiệm cao với bản tin của mình.

Tại cầu phao Làng Giàng đã có lần trạm trưởng thủy văn và đội trưởng đội cầu phà của Mỏ cùng đứng trên chiếc phao yếu nhất giữa sông vào ban đêm, để công nhân yên tâm già cố dây cáp, quyết tâm giữ cầu bảo vệ tiến độ vận chuyển quặng.

3. Trong công tác phân phối lợi nhuận phải bảo đảm công khai, công bằng và có khen thưởng thỏa đáng những người làm tốt, đề động viên mọi người cùng hăng hái và sẵn sàng tham gia công tác dịch vụ khí tượng thủy văn.

Cuối cùng, công tác phục vụ KTTV theo hợp đồng kinh tế đã được thực hiện gồm 10 năm nay (tính từ QĐ số 226 ngày 31 – VII – 1981 của Tổng cục), song cho đến nay, theo chúng tôi biết, việc tổ chức kí kết, thực hiện và thanh lý hợp đồng nhất là việc áp dụng các đơn giá chính thức để lập dự toán, ở mỗi nơi làm một khác. Ngay ở Hoàng Liên Sơn, mỗi hợp đồng cũng làm theo một cách khác nhau. Vì vậy, đề nghị Tổng cục sớm tổ chức hội nghị kiểm điểm, đánh giá và chấn chỉnh những thiếu sót, sớm có những văn bản pháp quy quy định thống nhất trong ngành, làm cơ sở pháp lý để tính toán các hợp đồng kinh tế.